

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ SÊ
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 39/2021/QĐST-HNGĐ

Chư Sê, ngày 23 tháng 8 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ, TỈNH GIA LAI

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 85, Điều 86 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 143/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2021 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và nuôi con chung*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Anh Trần Đình L, sinh năm 19xx và chị Chu Thị N, sinh năm 19xx; Cùng địa chỉ: Thôn M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Đình L và chị Chu Thị N tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn ngày 19/01/2007 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện C, tỉnh Gia Lai. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Tại buổi hoà giải, anh L và chị N không đồng ý vợ chồng đoàn tụ, cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên thống nhất yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Anh Trần Đình L và chị Chu Thị N có 02 con chung là Trần Đình Gia H, sinh ngày 10/12/2007 và Trần Đình Gia L, sinh ngày 19/12/2014. Anh L và chị N thoả thuận giao cháu Trần Đình Gia H, sinh ngày 10/12/2007 cho anh Luyện nuôi dưỡng, giao cháu Trần Đình Gia L, sinh ngày 19/12/2014 cho chị Nga nuôi dưỡng.

[3]. Về chia tài sản chung và vay nợ: Anh Trần Đình L và chị Chu Thị N không yêu cầu giải quyết.

[4]. Về lệ phí: Anh L tự nguyện chịu lệ phí 300.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Đình L và chị Chu Thị N thống nhất thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung:

Anh Trần Đình L và chị Chu Thị N cùng thỏa thuận thống nhất và phù hợp với nguyện vọng của cháu Trần Đình Gia H: giao cháu Trần Đình Gia L, sinh ngày 19/12/2014 cho chị Chu Thị N nuôi dưỡng và giao cháu Trần Đình Gia H, sinh ngày 10/12/2007 cho anh Trần Đình L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh Trần Đình L tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí Tòa án là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí Tòa án đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0011408 ngày 05/8/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. Anh Trần Đình L đã nộp đủ tiền lệ phí Tòa án.

3. Quyết định có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (02 bản);
- UBND xã;
- VKSND huyện Chư Sê (02 bản);
- UBND xã (01 bản);
- Lưu hồ sơ (01 bản).

THẨM PHÁN

Đoàn Ngọc Tú